

Số: 842/XMTĐ-KH-CL

Tam Điệp, ngày 29 tháng 3 năm 2018.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

(Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2018 đã được Hội đồng thành viên Tổng công ty phê duyệt tại Văn bản số /QĐ-XMVN ngày tháng năm 2018)

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KD VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM TRƯỚC

- Sản xuất clinker: 1.422.555 tấn
- Sản xuất xi măng: 1.364.434 tấn
- Tiêu thụ xi măng: 1.357.773 tấn
- Tiêu thụ clinker: 356.994 tấn
- Doanh thu: 1.308,236 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 3,046 tỷ đồng
- Nộp ngân sách: 49,165 tỷ đồng

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KD VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính:
 - + Sản xuất clinker: 1.400.000 tấn;
 - + Sản xuất xi măng: 1.710.000 tấn.
- Kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh cả năm:
 - + Lợi nhuận trước thuế: 14,008 tỷ đồng
- Kế hoạch phát triển thị trường và sản phẩm
 - + Tiếp tục nâng thương hiệu xi măng Vicem Tam Điệp tại thị trường Ninh Bình; tập trung phát triển sản phẩm tới các dự án, công trình.
 - + Thay đổi cơ chế, chính sách trong bán hàng linh hoạt, phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh và định hướng của Tổng Công ty.

2. Kế hoạch đầu tư phát triển

- Kế hoạch đầu tư các dự án cả năm: 9,025 tỷ đồng
- Kết quả đầu tư cả năm (dự kiến): 9,025 tỷ đồng

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về tài chính

- Cơ cấu dòng tiền đảm bảo luân chuyển hợp lý trong hoạt động SXKD phù hợp với phương án tái cấu trúc gắn với cơ phần hóa DN.

- Quản lý tốt công nợ phải thu, phải trả, không để xảy ra nợ phải thu khó đòi.

2. Giải pháp về sản xuất

- Thời gian chạy lò trong năm dự kiến là 335 ngày, dừng lò là 30 ngày. Năng suất sản xuất bình quân dự kiến đạt 4.239 tấn clinker/ngày. Sản lượng sản xuất clinker cả năm 2018 phấn đấu là 1.420.000 tấn. Năm 2017 sản lượng sản xuất clinker đạt 1.413.717 tấn. Như vậy, sản lượng sản xuất clinker 2018 phấn đấu tăng so với năm 2017 là 6.283 tấn.

- Giải quyết triệt để các nút thắt công nghệ, cải tiến kỹ thuật để tối ưu các thông số vận hành với các mục tiêu cụ thể:

+ Xử lý bụi khí thải khi Nghiền liệu dùng để đảm bảo các yêu cầu quy chuẩn 23 về môi trường của Quốc gia.

+ Tiêu hao điện cho sản xuất clk: < 59 kwh/t clk.

+ Tiêu hao than cho sản xuất clk: < 805 kcal/kg clk.

+ Mác nền clk > 55N/mm².

+ Tiêu hao điện chung cho sản xuất xi măng: < 35 kwh/t xm.

+ Dung trọng clk < 1.250 g/l.

+ CaOtd của clk: 1,2-1,5 %.

+ Giảm nhiệt độ clk < 120 độ C.

+ Giảm màu vàng của clk < 6,5.

+ Nâng cao Hiệu suất thu hồi nhiệt của ghi làm nguội (> 70%).

+ Ổn định chất lượng xi măng rời.

+ Xử lý bụi ở công đoạn Đóng bao.

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên, nhiên liệu, bán thành phẩm, kiên quyết loại bỏ và không nhập các vật tư, nguyên liệu không đảm bảo chất lượng. Quy định và quản lý mức tồn kho đối với từng nguyên, nhiên vật liệu.

- Tiết giảm tối đa chi phí thuê ngoài sửa chữa, tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình, quy định trong vận hành, bảo dưỡng sửa chữa thiết bị. Lập kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa phòng ngừa, không để xảy ra sự cố thiết bị lớn.

3. Giải pháp về marketing.

- Tranh thủ sự ủng hộ của phòng thị trường Tổng công ty, các đơn vị trong Vicem trong công tác gia công, xuất khẩu xi măng và sử dụng hệ thống phân phối của các đơn vị thành viên Vicem để đưa Xi măng vào một số các địa bàn với nguyên tắc tuân thủ nghiêm phối hợp thị trường.

- Tái cơ cấu lại XNTT theo mô hình chung của Vicem, thực hiện việc chọn lựa và điều động CBCNV trong toàn Công ty những người có tâm huyết, sức khỏe và năng lực để bổ sung tăng cường cho XNTT đáp ứng nhiệm vụ mới.

- Giữ vững thị trường cốt lõi (địa bàn Ninh Bình), phát triển thị trường tiềm năng và có lợi thế về địa lý như Nam Định, Hà Nội, Bắc Thanh Hóa. Mở rộng thêm các thị trường như: Lào Cai, Thái Nguyên, Sơn La, Quảng Ngãi... và Thành phố Hồ Chí Minh.



- Thay đổi cơ cấu các chủng loại sản phẩm đảm bảo tỷ lệ bán xi măng bao chiếm 70% và xi măng rời là 30% từ đó tính toán hiệu quả kinh tế để quyết định giá bán và các chính sách bán hàng.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực.

- Xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu công việc và thực hiện chiến lược phát triển của công ty:

- Phát triển đội ngũ nhân sự hướng tới hình thành đội ngũ quản lý chuyên nghiệp và đội ngũ nhân viên có chuyên môn đáp ứng;

- Xây dựng các chính sách và quy trình quản trị nguồn nhân lực;

- Phát triển đội ngũ quản lý và chuyên viên quản lý nhân sự chuyên nghiệp.

5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật.

- Quản lý giá trị và chi phí theo chuỗi giá trị sản xuất mới gồm 5 công đoạn, 7 phân đoạn.

- Xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn/định mức nội bộ.

- Tối ưu hóa các chỉ số đánh giá hiệu quả sản xuất.

- Chương trình sửa chữa bảo dưỡng phòng ngừa.

- Theo dõi, kiểm tra và đánh giá tình trạng máy móc thiết bị đúng định kỳ;

- Lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thay thế phụ tùng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất thiết bị;

- Tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị sản xuất trong thực hiện kế hoạch theo dõi, đánh giá và thay thế phụ tùng, sửa chữa;

- Tuân thủ chặt chẽ quy trình vận hành, kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thay thế;

- Thay thế phụ tùng đồng bộ, đảm bảo chất lượng/tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

6. Giải pháp về quản lý và điều hành.

- Rà soát, thông qua kế hoạch SXKD&ĐTXD năm 2018 để trình Tổng công ty thỏa thuận.

- Sửa đổi và hoàn thiện các nội quy, quy chế làm việc của Công ty đảm bảo phù hợp với luật pháp, các quy định của Vicem và thiết chặt kỷ cương điều hành.

- Chấn chỉnh thái độ, tác phong làm việc của CBCNV, loại bỏ tư duy làm việc cầu cấp, tình trạng nhiều người bàn, nhiều người làm nhưng lại không có người chịu trách nhiệm. Giải quyết công việc trên nguyên tắc phối hợp chặt chẽ và chia sẻ.

7. Giải pháp khác.

- Công tác môi trường, an toàn và VSCN được đặt lên hàng đầu để đảm bảo sản xuất ổn định, an toàn cho người và thiết bị. Xây dựng môi trường Xanh – Sạch – Đẹp, kết nối hệ thống quan trắc khí thải liên tục với Sở Tài nguyên tỉnh Ninh Bình.

- Nâng cao vai trò của tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên gắn với công tác SXKD. Tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao để cải thiện đời sống tinh thần và hướng CBCNV tránh xa các tệ nạn xã hội.



- Tranh thủ sự chỉ đạo của Vicem, sự ủng hộ giúp đỡ của các đơn vị thành viên và chính quyền địa phương để hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

**BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN NĂM 2018**

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu		
	- Sản lượng sản xuất clinker	Tấn	1.400.000
	- Sản lượng sản xuất xi măng	Tấn	1.710.000
		
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)		-
3	Doanh thu	Tỷ đồng	1.405,168
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	14,008
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	45,504
6	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	9,025
7	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1.000 USD	-
8	Các chỉ tiêu khác		-

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử của Cty;
- Cục phát triển DN (Bộ KH&ĐT);
- Lưu: VT, KH-CL. *VT*



Phạm Văn Minh